

THÔNG BÁO
V/v Chào giá HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM

Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng số 49/BB-BVPPHC, ngày 9 tháng 09 năm 2024 của bệnh viện Phổi Phạm Hữu Chí về việc thống nhất danh mục hoá chất xét nghiệm năm 2024 và nhu cầu đề xuất mua sắm hàng hóa của khoa CLS- CĐHA.

Căn cứ vào kế hoạch số 108 /KH-BVPPHC ngày 30 tháng 07 năm 2024 của bệnh Phổi Phạm Hữu Chí về việc xây dựng nhu cầu Hóa chất xét nghiệm năm 2024.

Bệnh viện Phổi Phạm Hữu Chí tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có nhu cầu mua một số Hóa chất phục vụ công tác khám chữa tại bệnh viện Phổi Phạm Hữu Chí. Kính mời các công ty liên quan tham gia chào giá hóa chất xét nghiệm như sau:

Số TT	Tên hàng hóa	Mã sản phẩm	Hãng/ Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	Tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Thông số kỹ thuật
1	GOT/AST-L	GA4910 00	AMS Srl/ Ý	AMS Srl/ Ý	Hộp	06	ISO, CFS	5x40 + 1x20 ml	Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485,... Tính năng kỹ thuật: Chức năng : Phương pháp động học IFCC-SCE để định lượng hoạt tính của Aspartate Aminotransferase (AST) trong huyết thanh và huyết tương Thành phần: -Reagent A : TRIS 28 mmol/l, EDTA-Na2 5.68 mmol/l, L-Aspartate 284 mmol/l MDH ≥ 800 U/l, Sodium Azide 2 g/l -Reagent B : 2-Oxoglutarato 68 mmol/l, NADH 1.12 mmol/l, Sodium Hydroxide ≤ 1% Tuyến tính: lên đến 440 U/L Giới hạn phát hiện: 3 U/L Bảo quản: 2-8 °C
2	GPT/AST-L	GA4920 00	AMS Srl/ Ý	AMS Srl/ Ý	Hộp	06	ISO, CFS	5x40 + 1x20 ml	Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485,... Tính năng kỹ thuật: Chức năng : IFCC-SCE phương pháp động học để định lượng hoạt tính của Alanine Aminotransferase (ALT) trong huyết thanh và

									<p>huyết tương Thành phần: -Reagent A : TRIS 28 mmol/l, EDTA-Na2 5.68 mmol/l, L-Alanine 284 mmol/l, Sodium Azide 2 g/l -Reagent B : NADH 1.12 mmol/l, Sodium Azide 0.095 g/l, Sodium Hydroxide \geq 1 % Tuyến tính: lên đến 400 U/L Giới hạn phát hiện: 3 U/L Bảo quản: 2-8 °C</p>
3	Glucose - L	GA4575 00	AMS Srl/ Ý	AMS Srl/ Ý	Hộp	01	ISO, CFS	12x5 0ml	<p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485,...</p> <p>Tính năng kỹ thuật: Chức năng : Phương pháp so màu bằng enzym để định lượng Glucose trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu Thành phần: -Reagent A : Phosphate buffer pH 7.4 25 g / l; 4-Aminoantipirine 0.4 mmol / l; GOD \geq 30 kU / l; POD \geq 1 kU / l; NaN3 0,95 g / l - Standard: D-Glucose 100 mg / dl (5,55 mmol / l), Benzoic acid <14,7 mmol / l Tuyến tính: 500 mg/dl (28 mmol/l) Giới hạn phát hiện: 1 mg/dl (0.05 mmol/l) Bảo quản: 2-8 °C</p>
4	Creatinine	GA4450 00	AMS Srl/ Ý	AMS Srl/ Ý	Hộp	02	ISO, CFS	5x50 ml + 5x50 ml	<p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485,...</p> <p>Tính năng kỹ thuật: Chức năng : Định lượng Creatinine bằng phương pháp Jaffè trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu Thành phần: - Reagent A: Sodium hydroxide 1.25 mmol / l - Reagent B: Picric acid 20.5 mmol / l - Standard: Creatinine 2 mg / dl Tuyến tính: 6 mg/dl Giới hạn phát hiện: 0.1 mg/dl Bảo quản: 15-25 °C</p>
5	Urea U.V	GA4960 00	AMS Srl/ Ý	AMS Srl/ Ý	Hộp	01	ISO, CFS	10x4 0 ml + 5x20 ml	<p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485,...</p> <p>Tính năng kỹ thuật: Chức năng : Phương pháp enzym để định lượng Urê trong huyết</p>

								<p>thanh, huyết tương và nước tiểu</p> <p>Thành phần:</p> <p>-Reagent A : TRIS pH 7.8 150 mmol / l, 2-Ketoglutarate 8.75 mmol / l, ADP 0.75 mmol / l, Urease \geq 7.5 kU / l, GLDH (Glutamate-dehydrogenase) \geq 1.25 kU / l, Sodium Azide \leq 0.95 g / l</p> <p>-Reagent B : NADH 1.32 mmol / l, Sodium Hydroxide \geq 0.1%</p> <p>- Standart: Urea 50 mg / dl</p> <p>Tuyến tính: 300 mg/dl</p> <p>Giới hạn phát hiện: 2mg/dl</p> <p>Bảo quản: 2-8 °C</p>
6	Albumin	GA4201 00	AMS Srl Ý	AMS Srl Ý	Hộp	01	ISO, CFS	<p>10 x 50ml</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485,...</p> <p>Thông số kỹ thuật:</p> <p>Chức năng : Định lượng Albumin trong huyết tương, huyết thanh</p> <p>Thành phần:</p> <p>-Reagent A : Citrate buffer; BCG; Sodium azide</p> <p>- Standard : Albumin; Sodium azide</p> <p>Tuyến tính: Lên đến 7 g/dl</p> <p>Giới hạn phát hiện: 0.2 g/dl</p> <p>Bảo quản: 15-25 °C</p>
7	Uric Acid - L	GA4865 00	AMS Srl Ý	AMS Srl Ý	Hộp	01	ISO, CFS	<p>12x50ml</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485,...</p> <p>Tính năng kỹ thuật:</p> <p>Chức năng : Phương pháp so màu bằng enzym để định lượng Acid Uric trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu</p> <p>Thành phần:</p> <p>-Reagent A : Natri Tetraborat Decahydrat - SVHC \leq 1%, Uricase $>$ 50 U / l, 4-Aminoantipyrine 0.25 mmol / l, ESPT 1 mmol l, Peroxidase (POD) $>$ 100 U / l, Sodium Hidroxit \leq 1%</p> <p>- Standard : Uric acid 6 mg / dl</p> <p>Tuyến tính: Tuyến tính lên đến 20mg/dl (1190 umol/l)</p> <p>Giới hạn phát hiện 0.3 mg/dl (17.84 umol/l)</p> <p>Bảo quản: 2-8 °C</p>
8	Que thử	10334754 /	Kimball	Siemens	Hộp	01	ISO,	<p>Hộp</p> <p>Đạt tiêu chuẩn chấ</p>

	nước tiểu	03787816 / A2300A15	Electronics Poland Sp.Z.O.O / Ba Lan	Healthcare Diagnostics Inc/Hoa Kỳ			FDA	/100 que	lượng ISO 13485.... Đặc tính kỹ thuật: - Các thông số xét nghiệm: bilirubin, blood (occult), glucose, ketone (acetoacetic acid), SG, leukocytes, nitrite, pH, protein, urobilinogen.
9	Stromatolyser-W11 (SWH-200A)	P97405216	Sysmex Asia Pacific Pte. Ltd / Singapore	Sysmex Corporation / Nhật Bản	Chai 500 ml	4	ISO, CFS	500ml x3	Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.... Tính năng kỹ thuật: Mục đích sử dụng (sử dụng trong chẩn đoán trong ống nghiệm) Là hóa chất ly giải để phá vỡ hồng cầu, được sử dụng để xác định chính xác số lượng bạch cầu và phân tích 3 thành phần bạch cầu và đo lượng hemoglobin. Hóa chất không màu, trong suốt không chứa cyanide hoặc hợp chất azide. Hóa chất được sử dụng với các thiết bị phân tích huyết học của Sysmex. THÀNH PHẦN Muối amoni bậc 4 hữu cơ 8.5 g/L Natri clorua 0.6 g/L
10	Cellpack (PK-30L)	P88408711	Sysmex Asia Pacific Pte. Ltd / Singapore	Sysmex Corporation / Nhật Bản	Thùng 20 lít	3	ISO, CFS	Thùng 20 lít	Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.... Tính năng kỹ thuật Là chất pha loãng máu toàn phần dùng cho máy phân tích huyết học. Mục đích sử dụng Chỉ dùng cho chẩn đoán xét nghiệm. Là hoá chất pha loãng dùng để pha loãng mẫu phân tích nhằm đếm số lượng hồng cầu và bạch cầu, xác định nồng độ huyết sắc tố (hemoglobin), và đếm tiểu cầu. Sử dụng hóa chất cùng với máy phân tích huyết học Thành phần (% khối lượng/thể tích) NaCl 0.638 % Axit boric 0.10 % Natri Tetraborat 0.02 % EDTA-2K 0.02 % Nước vừa đủ 100%
11	Eightcheck -3 WP (3 MỨC)	00403915	Streck, Inc / Mỹ	Sysmex Corporation / Nhật	Bộ	2	ISO, CFS	1,5ml x1	Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.... Tính năng kỹ thuật:

	1,5x1)			Bán						<p>Công dụng: Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học</p> <p>Bảo quản: từ 2 - 8 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 7 ngày</p> <p>Thành phần: chứa tế bào hồng cầu, Bạch cầu, tiểu cầu và chất ổn định</p>
12	Cellclean (CL-50)	83401621	Sysmex International Reagents Co.,Ltd., Ono Factory/ Nhật Bản	Sysmex Corporation/ Nhật Bản	Lọ	2	ISO, CFS	50ml x 1	<p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485,...</p> <p>Tính năng kỹ thuật: Đóng gói: 50ml/ Chai Thành phần : Sodium Hypochlorite (5% chlorine) Công dụng : Hóa chất rửa cho máy phân tích huyết học. Sử dụng cho máy xét nghiệm</p>	
13	Hum Asy control 2 (QC-2) - hãng Randox	HN1530	Randox/ Anh	Randox/ Anh	Lọ	10	ISO13485		<p>Dạng đông khô để bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 7 ngày 2-8 oC hoặc 28 ngày ở -20oC. Đáp ứng trên 65 thông số bao gồm D-3-Hydroxybutyrate, Folate hoặc tương đương. Thể tích đóng gói tối thiểu 100ml hoặc tương đương</p>	
14	Hum Asy control 3 (QC-3) - hãng Randox	HE1532	Randox/ Anh	Randox/ Anh	Lọ	5	ISO13485	Lọ 5ml	<p>Dạng đông khô để bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 7 ngày 2-8 oC hoặc 28 ngày ở -20oC. Đáp ứng trên 65 thông số bao gồm D-3-Hydroxybutyrate, Folate hoặc tương đương. Thể tích đóng gói tối thiểu 100ml hoặc tương đương</p>	
15	System Cal -hãng Randox	CAL2351	Randox/ Anh	Randox/ Anh	Lọ	15	ISO13485	Lọ 5ml	<p>Dạng đông khô. Bảo quản 2-8oC. Đáp ứng 40 thông số hoặc tương đương. Độ bền mở nắp tối thiểu 7 ngày 2-8 oC hoặc 28 ngày ở -20oC</p>	
16	Bóng đèn sinh hoá	BĐSH	Osram / Đức	Osram / Đức	cái	01		Hộp 1 bóng	Tương thích với máy XN Stat fax 3300	
17	Bột NALC		Merk / Đức	Merk / Đức	Chai 100g	01		Hộp 1	Dạng bột mịn tinh khiết dùng cho phòng	

								chai	thí nghiệm
--	--	--	--	--	--	--	--	------	------------

Tổng cộng : 17 mặt hàng

1. Nguồn kinh phí: Nguồn thu viện phí
2. Hình thức mua sắm: Chỉ định thầu rút gọn.
3. Thời gian thực hiện: Quý III/2023, Quý IV/2024
4. Hình thức ký hợp đồng: Trọn gói.
5. Phạm vi cung cấp: Theo danh mục trên.

GHI CHÚ:

- Nhà cung cấp phải có đầy đủ các mặt hàng theo gói thầu có trong danh mục trên.
- Nếu thiếu một trong các điều kiện chỉ tiêu chất lượng như trên coi như loại hàng hóa đó không trúng thầu.

Địa điểm nhận hồ sơ: Phòng văn thư Bệnh viện Phổi Phạm Hữu Chí, Ấp Đồng Trung, xã An Nhứt Huyện Long Điền tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Ngoài bì hồ sơ thầu ghi rõ “ HỒ SƠ CHỈ ĐỊNH THẦU MUA SẮM HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM THEO THÔNG BÁO SỐ 11 /TB - BVPPHC của Bệnh viện Phổi Phạm Hữu Chí ngày 10 tháng 9 năm 2024 ”. Biểu giá chào hàng được ghi đầy đủ theo mẫu quy định và có chữ ký của người đại diện hợp pháp. Hạn chót nhận hồ sơ: trong vòng 03 ngày kể từ ngày phê duyệt .

Bệnh viện Phổi Phạm Hữu Chí trân trọng thông báo./

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Lưu hồ sơ thầu;
- Lưu VT, KD, Phòng TCKT, khoa CLS.
- Bộ phận CNTT đăng website BV: Mục mời thầu
-
-

GIÁM ĐỐC



Phạm Trung Thảo